Tuần: 08 Tiết: 15 Ngày dạy: 26/10 – 31/10/2020

**BÀI 10: HOÁ TRỊ (TT )**

**I. MỤC TIÊU:**  Sau tiết này HS phải:

*1. Kiến thức:* Biết được:

- Quy tắc hoá trị: Trong hợp chất 2 nguyên tố AxBy thì:

a.x = b.y (a, b là hoá trị tương ứng của 2 nguyên tố A, B)

(Quy tắc hóa trị đúng với cả khi A hay B là nhóm nguyên tử)

- Vận dụng tính hóa trị và lập công thức hóa học của một chất dựa vào hóa trị.

*2. Kỹ năng :*

- Tính hoá trị của một nguyên tố trong hợp chất khi biết CTHH của hợp chất và hóa trị của nguyên tố kia ( nhóm nguyên tử ).

- Biết cách lập CTHH của hợp chất khi biết hóa trị.

*3. Thái độ:*

Cẩn thận, chính xác, có ý thức học tập nghiêm túc.

*4. Trọng tâm:*

Cách lập CTHH của một chất dựa vào hóa trị.

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng dạy học:**

a.GV :Chuẩn bị một số bài tập xác định hóa trị và lập công thức hóa học của hợp chất.

b.HS :Thuộc hoá trị của một số nguyên tố ở bảng /SGK 42 ,43.

**2. Phương pháp:**

Làm việc nhóm – Hỏi đáp – Làm việc với SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**1.Ổn định lớp :**

**2. Kiểm tra bài cũ :**

Hãy xác định hoá trị của (SO4), S trong hợp chất sau: H2SO4, SO2.

**3. Bài mới:**

*a. Giới thiệu bài* **:** Bài trước chúng ta đã tìm hiểu về quy tắc hóa trị. Vậy dựa vào quy tắc này, ta có thể xác định hóa trị củ một nguyên tố, lập công thức hóa học của hợp chất như thế nào? Ta cùng tìm hiểu bài:

*b. Các hoạt động chính:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | | Nội dung ghi bảng | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu cách tính hoá trị của một nguyên tố** | | | | |
| - GV: Hướng dẫn HS cách tính hoá trị của Al trong hợp chất AlCl3 .  - GV: Yêu cầu HS xác định hoá trị của trong hợp chất P2O­5.  - GV: Hướng dẫn các bước tương tự như tính hoá trị của Al**(Cần lưu ý và phụ đạo thêm HS yếu)**  - GV: Nhận xét và bổ sung | - HS: Thực hiện các bước theo hướng dẫn của GV.  - HS: Ghi đề bài tập.  - HS: Làm BT  Gọi a là hoá trị của P  2.a = 5 . II    C có hóa trị IV  - HS: Làm bài tập vào vở. | | **II- QUY TẮC HOÁ TRỊ :**  2. Vận dụng :  a. Tính hoá trị của một nguyên tố: Ví dụ: Tính hoá trị của Fe trong hợp chất AlCl3, Cl(I)  **Bg:** Gọi hoá trị của Fe là a  1.a = 3. I    Al là hoá trị III | |
| **Hoạt động 2. Lập công thức hoá học của hợp chất theo hoá trị** | | | | |
| - GV: Hướng dẫn cho HS từng bước lập công thức hóa học.  - GV: Các bước lập công thức hóa học của hợp chất.  - GV: Nhận xét.  - GV: Yêu cầu HS lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi sắt(III) và nhóm (SO4) có hóa trị II | - HS: Theo dõi và thực hiện theo các bước GV hướng dẫn:  +Gọi CTTQ:  +Áp dụng quy tắc hoá trị:  a.x = b.y  → IV. x = II . y.  => => x =1; y = 2.  =>Công thức đúng : CO2  - HS: Nêu các bước giải.  -HS: Ghi vở.  - HS: Làm BT vào vở.  - HS: Sữa BT  1Gọi CTTQ:  2.Áp dụng QTHT:  III.x = II.y  3.  =>x = 2 , y = 3  4.Vậy công thức : Fe2(SO4)3  - HS:Sửa bài vào vở.  - HS : Lắng nghe và ghi vở. | | b.Lập công thức hóa học của hợp chất theo hoá trị :  Ví dụ : Lập công thức hoá học của hợp chất tạo bởi cacbon( IV)và oxi  1- Gọi CTTQ:  2- Áp dụng QTHT: a.x = b.y  => IV. x = II . y  => => x =1; y = 2.  =>Công thức cần lập : CO2.  \* Các bước lập công thức hoá học  1- Gọi CTTQ:  2-Áp dụng QTHT: a.x = b.y  3- Lập tỷ lệ:  =>x, y => CT đúng cần tìm. | |
| **Hoạt động 3: Bài tập** | | | | |
| -Lưu ý HS đặt CT chung cho hợp chất có nhóm nguyên tử.  *Nhóm nguyên tử đặt trong dấu ngoặc đơn.*  -2 HS lên bảng làm bài, yêu cầu HS ở dưới cùng giải bài tập.  -Khi giải bài tập hóa học đòi hỏi chúng ta phải có kĩ năng lập CTHH nhanh và chính xác. Vậy có cách nào để lập được CTHH nhanh hơn không?  -Theo dõi hướng dẫn HS làm bài tập.  -Yêu cầu 3 HS lên sửa bài tập. | | Dựa theo 4 bước chính để giải bài tập.  Học sinh làm theo cách làm nhanh để lập CTHH | | BT1) Lập CTHH của hợp chất gồm:  *a/ và*  *b/  và*  **Giải:**  a/ -CT chung:  -Ta có: x.I = y.II  🡒  -Vậy CT cần tìm là: K2SO3  b/ Giải tương tự:  **Chú ý:**  -Nếu a = b thì x = y = 1  -Nếu a ≠b và a : b tối giản thì:  x = b ; y = a  Nếu a : b chưa tối giản thì giản ước để có tỉ lệ a’:b' và lấy:  x = b' ; y = a’  BT2/ Lập CTHH của hợp chất gồm:  *a/  và*  *b/  và*  *c/  và*  **Giải:**  a/CT chung ⇒ Na2S  b/ CT chung ⇒  c/ CT chung ⇒SO3 |

**4. Củng cố - Đánh giá – Dặn dò**

\**Củng cố - Đánh giá:*

Hãy cho biết các CT sau đúng hay sai ? hãy sửa lại CT sai:

a/ e/ *FeCl3*

b/*CuO3* f/ *Zn(OH)3*

c/*Na2O* g/ *Ba2OH*

d/*Ag2NO3* h/ *SO2*

\* *Dặn dò:*

- Làm bài tập 5,6,7,8 SGK/ 38

- Dặn các em ôn tập lại kiến thức : Công thức hóa học và Hóa trị chuẩn bị cho bài luyện tập 2.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**:

* GV nên hướng dẫn HS cách lập CTHH nhanh.

Tuần: 08 Tiết: 16 Ngày dạy: 26/10 – 31/10/2020

**Bài 11. BÀI LUYỆN TẬP 2**

**I. MỤC TIÊU:** Sau bài này HS phải:

**1. Kiến thức :**

**-**  Ôn lại kí hiệu hóa học, công thức hoá học , cách tính phân tử khối, bài tập xác định hoá trị.

**2. Kỹ năng :**

**-** Rèn luyện kĩ năng làm bài tập xác định nguyên tố hoá học, tính phân tử khối, lập CTHH của hợp chất .

**3. Thái độ :**

**-** Giúp HS yêu thích môn học để học tập tốt hơn.

**4. Trọng tâm:**

- Lập CTHH của hợp chất, ý nghĩa CTHH, tính hóa trị của một nguyên tố.

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng dạy học:**

**a. GV:**

**-** Một số câu hỏi ôn lại cách viết CTHH, hóa trị và một số bài tập.

**b. HS:**

- Ôn tập kiến thức : Kí hiệu hóa học, CTHH, hoá trị , quy tắc hoá trị, tính phân tử khối.

**2. Phương pháp**:

-Vấn đáp– Làm việc nhóm – Làm việc cá nhân.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp:**

**2. Bài mới:**

a. Giới thiệu bài: Để nắm chắc cách viết công thức hoá học của đơn chất, hợp chất, khái niệm về hoá trị và quy tắc hoá trị ta vào bài luyện tập:

b. Các hoạt động chính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1: Kiến thức cần nhớ(10’).** | |
| - GV:Yêu cầu HS nhắc lại công thức chung của đơn chất , hợp chất ?  - GV: Hoá trị là gì ? Nêu quy tắc hoá trị.  - GV: Quy tắc hoá trị được vận dụng để làm những loại bài tập nào ? | **I- KIẾN THỨC CẦN NHỚ :**  - HS : Nhắc lại.  +Đơn chất :  A: Đối với kim loại và một số phi kim .  Ax: Đối với 1 số phi kim ( thường thì x=2)  + Hợp chất: ;  - HS: Nhắc lại định nghĩa hóa trị và viết QTHT.  => x.a = y.b  - HS: Trả lời:  + Tính hoá trị của một nguyên tố  +Lập công thức hoá học |
| **Hoạt động 2. Luyện tập (30’).** | |
| - GV: Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm BT1/SGK41.    -GV: Gọi 2 HS lên bảng làm BT và thu vở HS chấm lấy điểm.  **Bài 2:** Lập công thức hoá học và tính PTK của các hợp chất tạo bởi :  a-Silic (IV) và oxi  b- Photpho( III) và Hiđro  c-Nhôm (III)và nhóm NO3 (I)  d-Canxi(II) và nhóm SO4(II)  - GV: Hướng dẫn cách lập công thức nhanh nhất :  + Nếu a=b → x=y=1  + Nếu a≠b → a:b (tối giản )→ x=b , y=a  **Bài 3:** Cho các CTHH sau:   1. Kẽm clorua ZnCl2. 2. Axit sunfuric H2SO4.   Hãy nêu những gì biết về các hợp chất trên.  **Bài 4**: Cho biết CTHH của nguyên tố X với oxi là: **X2O**. CTHH của nguyên tố Y với hiđro là **YH2**. (Với X, Y là những nguyên tố chưa biết).  1.Hãy chọn CT đúng cho hợp chất của X và Y trong các CT cho dưới đây:  a. XY2 b. X2Y c. XY d. X2Y3  2.Xác định X, Y biết rằng:  -Hợp chất X2O có PTK = 62  -Hợp chất YH2 có PTK = 34 | **II- LUYỆN TẬP :**  **Bài 1/ SGK41**  :  - HS: Thảo luận nhóm trong 3 phút:  Cu(OH)2 : Cu có hoá trị II  PCl5 : P có hoá trị V  SiO2  : Si có hoá trị IV  Fe(NO3)3­ : Fe có hoá trị III  - HS: Làm BT.  **Bài 2:**  a-SiO2. PTK = 28.1+ 16.2= 60 đvC  b-PH3. PTK = 31.1 + 1.3 = 34 đvC  c-Al(NO3)3. PTK = 27.1 +(14.3)+ (48.3) = 213 đvC  d-CaSO4. PTK = 40.1 + 32+(16.4) = 136 đvC  - HS: Theo dõi và ghi nhớ.  **Bài 3:**  a. ZnCl2: - Do 2 nguyên tố Zn, Cl tạo ra .  - Có 1Zn, 2Cl.  - PTK = 136 đvC.  b. H2SO4: - Do 3 nguyên tố H, S, O tạo ra.  - Có 2H, 1S, 4O.  - PTK = 98 đvC.  **Bài 4:**  1/+Trong CT X2O 🡒X có hóa trị I.  +Trong CT YH2 🡒 Y có hóa trị II.  🡒CTHH của hợp chất: X2Y.  Vậy câu b đúng.  2/+Trong CT X2O:  PTK =2X+16=62 🡒X = 23  Vậy X là natri ( Na)  +Trong CT YH2:PTK=Y+2=34 🡒Y =32 🡪Y là lưu huỳnh ( S ) |

**3. Dặn dò :**

- Bài tập về nhà : 1,2,3,4 SGK trang 41.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**:

-GV cần cho nhiều dạng bài tập về hóa trị, tính phân tử khối để HS luyện tập.